

Chính sách phát triển giáo dục quốc gia của Việt Nam sau đổi mới

Trần Thị Thơm*

*ThS. Trường Đại học Ngoại thương

Received: 10/7/2023; Accepted: 17/7/2023; Published: 25/7/2023

Abstract: Education is the leading national policy, an important factor in the development of national human resources, contributing to social progress and comprehensive integration. Recognizing the importance of education, the Party and State have set out strategic policies to guide the development of education in the country. However, in that development journey, although the education sector has reformed and changed many times with the desire to improve the quality of education, the achievements are still very limited, awareness and policy implementation are still very competitive. Controversy, the management of education and the implementation of education policy has not been effective...

Keywords: Education policy, National education policy, Education in Vietnam

1. Bối cảnh phát triển giáo dục của Việt Nam thời kỳ đổi mới

Việt Nam sau khi giành độc lập thì có tới hơn 90% dân số không biết chữ, cơ sở vật chất bị tàn phá sau chiến tranh, không có trang thiết bị dạy học tối thiểu, tình hình kinh tế đất nước sa sút nghiêm trọng đặt trong thế “ngàn cân treo sợi tóc”. Chưa có đội ngũ cán bộ giảng dạy được đào tạo, chưa có chính sách giáo dục, chương trình giáo dục, mô hình, chương trình, nội dung...tất cả đều chưa được hình thành ở Việt Nam. Trong khi đó, nền giáo dục khoa bảng hàng nghìn năm đã bị mai một và gần như không được sử dụng, các trường học của Pháp dành cho con em Pháp hoặc con em của những người thân Pháp đã bị đóng cửa hoặc phá hủy. Do đó, việc khôi phục lại nền giáo dục của nước ta đã trở thành nhiệm vụ cấp bách thứ hai trong sáu nhiệm vụ cấp bách của chính quyền non trẻ.

Ngày 8/9/1945, chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký sắc lệnh thành lập Nha Bình dân học vụ để xóa nạn mù chữ. Chỉ trong một năm (từ tháng 9/1945 đến 8/1946), phong trào bình dân học vụ đã giúp cho hơn 2,5 triệu người biết chữ. Trong thời gian diễn ra kháng chiến, công tác giáo dục tiếp tục duy trì với việc mở lại trường cũ, xây mới trường học các cấp, chú trọng đào tạo giáo viên (GV)... Trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954), số trường học, học sinh, GV đều tăng nhanh. Năm học 1945 - 1946, cả nước chỉ có 3.500 GV tiểu học, 95 GV trung học, đến năm 1950 đã có 10.500 GV tiểu học, 584 GV cấp II và 31 GV cấp III [3]. Giữa năm 1950, cả nước có gần 12,2 triệu người biết chữ; 10 tỉnh với 80 huyện, hơn

1.400 xã và 7.200 thôn được công nhận thanh toán nạn mù chữ. Đến năm học 1975 – 1976, năm đầu tiên sau khi thống nhất đất nước, số trường đại học tăng 19,5 lần, trường trung cấp chuyên nghiệp tăng 29,1 lần, số sinh viên tăng 50,9 lần so với năm học 1955 – 1956.

Bối cảnh giáo dục thời kỳ trước năm 1975 nằm trong bối cảnh đất nước bị chia cắt giữa hai miền. Do đó, giáo dục thời kỳ này với hai chế độ chính trị khác nhau và hai hệ thống giáo dục khác nhau. Cụ thể, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, miền Bắc tích cực đẩy mạnh công cuộc hình thành hệ thống giáo dục xã hội chủ nghĩa với sự ảnh hưởng mạnh mẽ của nền giáo dục từ Xô-Việt. Trong quá trình triển khai thực hiện, ngành giáo dục liên tục có sự điều chỉnh thông qua các cuộc cải cách.

Cuộc cải cách giáo dục lần đầu vào năm 1950, tiến hành chuyển cấp “trung học chuyên khoa” thành “phổ thông cấp III” tức là, chuyển từ hệ học 3 năm chuyên khoa, chuyên ngành sang hình thức THPT không chuyên ban.

Cuộc cải cách giáo dục lần thứ hai nhằm thống nhất và hoàn thiện hệ thống giáo dục ở hai miền Bắc – Nam, cuộc cải cách này diễn ra không đồng bộ ở hai miền. Cụ thể, năm 1956, miền Bắc thực hiện chương trình giáo dục thống nhất với hệ thống giáo dục 10 năm trên toàn hệ thống, thay thế cho hai hệ thống đang song song tồn tại là 9 năm và 12 năm.

Công cuộc cải cách giáo dục lần thứ ba được coi là công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, tiến hành năm 2013. Đánh dấu sự đổi mới, cải cách giáo dục lần này là Nghị quyết số 29-

NQ/TW ngày 4/11/2013, trên tinh thần “đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

2. Nội dung chính sách phát triển giáo dục của Đảng và Nhà nước Việt Nam

2.1. Quan điểm, chính sách phát triển giáo dục thể hiện trong Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

Thứ nhất, giáo dục là quốc sách hàng đầu: Đây được xem là chính sách xuyên suốt mang tính triết lý và chiến lược đối với giáo dục Việt Nam. Quốc sách hàng đầu để khẳng định tầm quan trọng, vị trí của giáo dục trong sự phát triển của quốc gia. Giáo dục là chìa khóa trong quá trình phát triển đất nước bởi: nó là yếu tố then chốt trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho nền kinh tế; giáo dục còn góp phần ổn định chính trị - xã hội; góp phần nâng cao chỉ số con người, chỉ số HDI của Việt Nam trên trường quốc tế. Vì thế, nội dung này được ghi trong điều 35 của Hiến pháp năm 1992 “giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu” và trong Hiến pháp 1992 sửa đổi năm 2001 có ghi “phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu”.

Thứ hai, nhà nước thống nhất hệ thống quản lý giáo dục: Điều 15, Hiến pháp năm 1946 có chỉ rõ “trường tư được mở tự do và phải dạy theo chương trình Nhà nước”, điều 41 Hiến pháp năm 1980 quy định “sự nghiệp giáo dục do Nhà nước thống nhất quản lý”. Điều 36, Hiến pháp 1992: “Nhà nước thống nhất quản lý hệ thống giáo dục quốc dân về mục tiêu, chương trình, nội dung, kế hoạch giáo dục, tiêu chuẩn GV, quy chế thi cử và hệ thống văn bằng”.

Thứ ba, nhà nước đảm bảo phát triển cân đối hệ thống giáo dục: Hệ thống giáo dục của Việt Nam bao gồm các cấp học, bậc học từ mầm non đến đại học và sau đại học không phân tách giữa các loại hình đào tạo như công lập, dân lập, dạy nghề nhằm đảm bảo mỗi cá nhân được thụ hưởng một nền giáo dục đồng bộ, nhất quán (quy định rõ trong Điều 36, Hiến pháp 1992). Điều này có nghĩa là, Đảng và Nhà nước Việt Nam quan tâm đến sự phát triển mang tính đồng bộ của hệ thống giáo dục, không ưu tiên cấp học hay bậc học nào nhằm đảm bảo sự phát triển toàn diện của mỗi công dân đồng thời đảm bảo quyền lợi giáo dục của họ.

Thứ tư, giáo dục là sự nghiệp của toàn dân: Nội dung này được kế thừa từ tư tưởng của chủ tịch Hồ Chí Minh và được quy định rõ tại điều 36 Hiến pháp

1992 với nội dung cụ thể là “các đoàn thể nhân dân, trước hết đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, các tổ chức xã hội, các tổ chức kinh tế, gia đình cùng nhà trường có trách nhiệm giáo dục thanh niên, thiếu niên và nhi đồng”.

Thứ năm, ưu tiên phát triển giáo dục miền núi và các vùng khó khăn: Hiến pháp 2013 nêu rõ, tập trung đầu tư giáo dục tại các vùng sâu, vùng xa, hải đảo, vùng dân tộc. Để chính sách đi vào thực tiễn, Chính phủ đã ra Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, với nhiều chế độ đãi ngộ nhằm khuyến khích công tác giáo dục ở những vùng khó khăn đó.

2.2. Nhận thức mới của Đảng và Nhà nước về giáo dục và chính sách phát triển giáo dục

Trên tinh thần giáo dục là quốc sách hàng đầu, Văn kiện Đại hội đổi mới đất nước đã chỉ ra: “phát triển có kế hoạch, hệ thống giáo dục từ giáo dục mầm non đến giáo dục đại học và sau đại học, bảo đảm chất lượng và hiệu quả đào tạo. Cải cách chế độ thi cử, cấp chứng chỉ, văn bằng và học vị theo hướng bảo đảm chất lượng và sự công minh”. Với tinh thần đầu tư phát triển giáo dục đặc biệt là giáo dục đại học để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nguồn nhân lực cho phát triển xã hội [1].

Luật Giáo dục do Quốc hội ban hành 1988 đã quy định một cách cụ thể, chi tiết về mục tiêu, nội dung, phương pháp đào tạo, giáo trình, giáo khoa các cấp, cơ sở vật chất, trường lớp, đội ngũ GV giảng dạy, cùng các tiêu chuẩn khác. Bộ luật đã thể hiện quyết tâm đổi mới giáo dục theo hướng chú trọng vào chất lượng.

Rõ ràng, mục tiêu giáo dục của Việt Nam thời kỳ đổi mới đã có nhiều thay đổi, tiến bộ. Nếu trong giai đoạn trước, mục tiêu của giáo dục là trang bị học vấn một cách thuần túy, người học chỉ cần đọc thông, viết thạo thì nay mục tiêu đã chuyển sang đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao.

Mới đây nhất, Đại hội XIII của Đảng đã định hướng phát triển giáo dục Việt Nam với một số điểm nổi bật như: thay vì chỉ nhấn mạnh vào “phát triển nhanh giáo dục và đào tạo”, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030 đề cập trực tiếp việc “phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế”. Phương hướng “giáo dục là quốc sách hàng đầu” được xác định theo hướng mới: “Xây dựng đồng

bộ thể chế, chính sách để thực hiện có hiệu quả chủ trương giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển đất nước”. Không chỉ vậy, giáo dục Việt Nam còn hướng đến sự phát triển đột phá và nâng cao chất lượng: “Có cơ chế hỗ trợ xây dựng một số trường đại học lớn và đại học sư phạm trở thành những trung tâm đào tạo có uy tín trong khu vực và thế giới”...

3. Tình hình giáo dục Việt Nam sau thời kỳ đổi mới đất nước

Công cuộc đổi mới chính sách giáo dục và cải cách giáo dục đã đem lại một số thành tựu trong thực tế. Đơn cử là sự đa dạng hóa hình thức đào tạo, mở rộng trường lớp khi phát triển ở tất cả các cấp học, ngành học. Hình thức đào tạo không còn bó hẹp ở khu vực nhà nước mà thu hút được ngu

ồn vốn xã hội hoá của doanh nghiệp và xã hội. Các trường tư thục, dân lập được mở ra đáp ứng nhu cầu của xã hội ở mọi cấp học, bậc học. Từ tình trạng thiếu nhà trẻ, học sinh trong độ tuổi mẫu giáo và tiểu học chưa được đến trường còn cao trong giai đoạn 1945 – 2005 với 40% trẻ em vùng dân tộc thiểu số và miền núi mù chữ; 33% ở Đồng bằng Sông Cửu Long”[2]. (2010 - 2020), số trường mầm non tăng hơn 2.600 trường. Mỗi xã, phường đều có ít nhất 1 trường mầm non công lập. Số trẻ đến trường tăng hơn 1,5 triệu em so với năm học 2010 - 2011. Quy mô giáo dục tăng lên nhất là ở bậc đại học và đào tạo nghề về cả số lượng trường học, giảng viên và sinh viên. Mạng lưới giáo dục quốc dân ngày càng được mở rộng đáp ứng nhu cầu học tập của toàn dân đã được mở rộng đến từng xã, từng phường, trong toàn quốc. Việt Nam đã xoá nạn mù và phổ cập giáo dục tiểu học vào năm 2000. Năm 2008, có 46/63 tỉnh, thành phố hoàn thành phổ cập trung học phổ thông và tiếp tục thực hiện ở các tỉnh, thành khác. Bên cạnh đó, thành tựu đáng kể nữa là giáo dục Việt Nam ngày càng nâng cao về chất lượng ứng dụng khoa học công nghệ trong giảng dạy. Đồng thời, ngân sách đầu tư cho giáo dục tăng, theo thống kê, ngân sách chi cho lĩnh vực giáo dục chiếm 18% năm 2005.

Đáng chú ý là các năm 2020 và 2021, giáo dục Việt Nam đạt được bước chuyển biến mạnh mẽ trong việc thay đổi hình thức dạy và học đáp ứng tình hình mới, tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học. Với chủ trương “tạm dừng đến trường, không ngừng việc học”, các cấp bậc học (trừ mầm non) đã chuyển sang hình thức dạy học trực tuyến qua internet và

truyền hình, đây là lần đầu tiên việc dạy học trực tuyến được triển khai trên quy mô cả nước. Báo cáo PISA của OECD công bố ngày 29/9/2020, đánh giá: “Việc học trực tuyến để phòng chống COVID-19 của Việt Nam có nhiều điểm khả quan so với các quốc gia và vùng lãnh thổ khác”. Đây là nhận định xác đáng khi Việt Nam có gần 80% học sinh, sinh viên học trực tuyến, cao hơn mức trung bình 67,15% của các nước OECD, xếp thứ 17/200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

Tuy nhiên, cùng với những thành tựu đã đạt được, giáo dục Việt Nam cũng vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, yếu kém như: Nền giáo dục chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của xã hội và doanh nghiệp trong thời đại của nền kinh tế số, thể hiện ở một số mặt: bất cập trong quản lý tại các trường công lập, cơ chế làm việc thiếu hiệu quả, bộ máy cồng kềnh... Đội ngũ cán bộ giảng viên tuy có sự chuẩn hóa nhưng vẫn còn có lúc, có nơi còn hình thức, chưa thực sự tinh nhuệ trong thời đại số; công tác kiểm tra đánh giá chưa đồng bộ, thiếu cơ chế quản lý một cách hệ thống và đồng nhất; vẫn còn tình trạng xin điểm, chạy điểm và tiêu cực trong kiểm tra, đánh giá.

Nhìn chung, giáo dục Việt Nam sau thời kỳ đổi mới đã có một bước tiến đáng kể góp phần làm tăng chỉ số HDI của Việt Nam đối với khu vực và trên thế giới. Đảng và chính phủ Việt Nam rất nỗ lực và quyết tâm thực hiện chính sách giáo dục là quốc sách hàng đầu song công tác đổi mới và cải cách giáo dục trong hơn 40 năm qua dường như vẫn chưa có một hướng đi thực sự rõ ràng.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.47, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, tr.424
2. Nguyễn Thị Phương Chi, (2020), *Lịch sử giáo dục Việt Nam từ năm 1975 đến năm 2000*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Nguyễn Quang Kính (chủ biên), *Giáo dục Việt Nam 1945 – 2005 tập 1*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Trần Hồng Quân (1995), *50 năm phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo (1945 - 1995)*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
5. Tanaka Yodhinaka (2020), *Cải cách giáo dục Việt Nam liệu có thực hiện được “lấy học sinh làm trung tâm”*, NXB Phụ nữ, Hà Nội
6. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-duc/Luat-Giao-duc-dai-hoc-sua-doi-388254.aspx>
7. Tổng cục thống kê (2021), *Số liệu thống kê 2020*, NXB Thống kê, Hà Nội.